

Số: 117 /ĐHLN-ĐTSDH

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO

Thời gian đào tạo đối với học viên cao học khoá 29A (2021 – 2023)

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 15/9/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1153/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 01/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc công nhận học viên cao học năm 2021 đợt 1 (2021-2023);

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 20/02/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc gia hạn thời gian đào tạo cho học viên cao học khoá 29A (2021 – 2023);

Căn cứ kế hoạch đào tạo toàn khoá trình độ thạc sĩ khoá 29A (2021 - 2023);

Trường Đại học Lâm nghiệp thông báo tới các học viên cao học khoá 29A (2021-2023) chưa hoàn thành chương trình đào tạo (có tên trong danh sách kèm theo) các nội dung như sau:

- Thời gian đào tạo: **Hết hạn vào ngày 01/7/2025.**

- Kế hoạch đào tạo: Đề nghị các học viên có tên trong danh sách hoàn thành chương trình đào tạo trước ngày **01/7/2025** (bao gồm học phần trong chương trình đào tạo (đối với các học viên còn thiếu) và bảo vệ luận văn/đề án tốt nghiệp). Sau thời gian trên học viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo sẽ bị buộc thôi học theo quy định.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- PHTr. Phạm Minh Toại (để b/c);
- Các đơn vị chuyên môn có liên quan (để p/h);
- Học viên khoá 29A (2021-2023);
- Lưu: VT, ĐTSDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Toại

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

**DANH SÁCH HỌC VIÊN KHOÁ 29A (2021- 2023)
CHƯA HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Thông báo số 117/TB-ĐHLN-ĐTSDH ngày 17/3/2025)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số tín chỉ học tập đã tích lũy	Lớp	Quyết định gia hạn	Ngành học
1	Phạm Huyền Linh	06/10/1998	21/45	SH29A1		Công nghệ SH
2	Trần Đức Trung	21/01/1985	10/45	CB29A1		Kỹ thuật CBLS
3	Trần Văn Chuyển	16/05/1988	5/45	CK29A1		Kỹ thuật cơ khí
4	Mai Thị Linh	17/12/1996	45/45	LH29A1	175 ngày 20/02/2024	Lâm học
5	Hà Huy Nhật	06/01/1991	45/45	LH29A1	175 ngày 20/02/2024	Lâm học
6	Lô Văn Trinh	11/11/1992	8/48	QD29A2		Quản lý đất đai
7	Chu Sỹ Mồn	30/08/1974	8/48	QD29A3		Quản lý đất đai
8	Bùi Mạnh Đức	17/10/1981	18/48	QD29A1.1		Quản lý đất đai
9	Bùi Thị Vân Anh	14/06/1991	20/48	QD29A1.1		Quản lý đất đai
10	Đinh Mạnh Linh	15/08/1978	22/48	QD29A1.1	175 ngày 20/02/2024	Quản lý đất đai
11	Lê Văn Phương	10/10/1995	32/48	QD29A1.1		Quản lý đất đai
12	Nguyễn Khắc Lợi	20/09/1972	40/48	QD29A1.1		Quản lý đất đai
13	Văn Anh Việt	25/04/1983	48/48	QD29A3	175 ngày 20/02/2024	Quản lý đất đai
14	Lê Duy Dũng	05/08/1977	6/50	29A2.3		Quản lý KT
15	Phạm Quảng	24/12/1975	8/50	29A2.3		Quản lý KT
16	Phạm Văn Chinh	03/06/1992	11/50	29A2.1		Quản lý KT
17	Phạm Tiến Thành	11/03/1984	14/50	29A1.1	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
18	Đặng Văn Vinh	15/07/1979	16/50	29A1.4	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
19	Nguyễn Thu Hương	25/08/1987	17/50	29A1.1	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
20	Nguyễn Trương Thị Kim Hong	11/10/1989	17/50	29A2.3		Quản lý KT
21	Nông Hà Đức	29/08/1982	18/50	29A1.12		Quản lý KT
22	Đàm Ngọc Linh	06/11/1984	18/50	29A1.12		Quản lý KT
23	Triệu Đức Long	10/03/1986	18/50	29A1.12		Quản lý KT
24	Nguyễn Mạnh Cường	19/08/1981	2/50	29A1.4		Quản lý KT
25	Bế Văn Hạnh	09/01/1984	20/50	29A1.12		Quản lý KT
26	Bùi Văn Dén	29/11/1977	22/50	29A1.5		Quản lý KT
27	Nguyễn Thị Hoài Thu	28/10/1992	23/50	29A1.1		Quản lý KT
28	Bùi Đức Hiền	23/11/1978	27/50	29A1.6	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
29	Nguyễn Đức Cường	16/06/1998	29/50	29A1.1		Quản lý KT
30	Đào Xuân Thu	20/11/1983	31/50	29A1.7		Quản lý KT
31	Lê Thị Hương	25/08/1982	32/50	29A3		Quản lý KT
32	Nguyễn Tùng Lâm	06/11/1994	33/50	29A1.1	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
33	Hà Cẩm Yên	12/10/1981	35/50	29A1.1	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
34	Nguyễn Phú Ngọc Dũng	18/01/1991	36/50	29A1.1	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
35	Quách Thị Quế	30/12/1985	4/50	29A1.5		Quản lý KT
36	Nguyễn Công Đại	06/10/1996	43/50	29A1.1	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
37	Nguyễn Như Hưng	29/09/1992	44/50	29A1.1	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
38	Vũ Hương Trà	01/12/1982	45/50	29A1.1	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
39	Phạm Trí Hiếu	08/07/1996	45/50	29A1.4	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
40	Bùi Văn Tú	03/02/1983	46/50	29A1.5		Quản lý KT



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số tín chỉ học tập đã tích lũy	Lớp	Quyết định gia hạn	Ngành học
41	Nguyễn Quang Hào	16/11/1975	48/50	29A1.1		Quản lý KT
42	Nguyễn Việt Linh	19/08/1997	50/50	29A1.3		Quản lý KT
43	Bùi Trung Dũng	11/09/1989	50/50	29A1.4	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
44	Phạm Thùy Linh	27/03/1998	50/50	29A1.7	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
45	Nguyễn Văn Thắng	07/10/1991	50/50	29A1.7	175 ngày 20/02/2024	Quản lý KT
46	Phạm Văn Nam	04/02/1990	50/50	29A2.1		Quản lý KT
47	Nguyễn Công Hoan	09/10/1997	50/50	29A2.1		Quản lý KT
48	Phạm Ánh Phương	27/07/1982	50/50	29A2.1		Quản lý KT
49	Bùi Thị Thanh Thùy	25/07/1989	50/50	29A3		Quản lý KT
50	Bùi Văn Nậu	22/10/1982	0/50	29A1.5		Quản lý KT
51	Tạ Đình Huy	26/10/1975	0/50	29A1.7		Quản lý KT
52	Tào Văn Quang	21/01/1972	0/50	29A1.7		Quản lý KT
53	Ngô Quốc Công	09/09/1984	0/50	29A2.3		Quản lý KT
54	Hồ Thị Thùy Linh	22/03/1981	0/50	29A3		Quản lý KT
55	Phạm Bá Tỏa	29/10/1968	0/50	29A3		Quản lý KT
56	Lê Trọng Hòa	15/07/1997	2/50	QL29A2		Quản lý TNR

Danh sách gồm 56 học viên